

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Trần Thị Kim Nhung

- **Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Phạm Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Phạm Thị Thu T, sinh năm: 1997; nơi cư trú: tổ H, khu C, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** anh Ngô Minh C, sinh năm: 1987; nơi cư trú: tổ H, khu C, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Ngô Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/01/2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không cảm thông chia sẻ với nhau. Anh C thường xuyên xúc phạm, hành hạ tinh thần và đe dọa chị. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn,

hai bên gia đình đã can thiệp hòa giải, mỗi lần như vậy chị lại cho anh C cơ hội, nhưng chỉ được một thời gian mâu thuẫn vợ chồng lại ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, anh C về sống chung với mẹ đẻ, vợ chồng mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến đời sống của nhau nữa. Đến nay, chị thấy không thể tiếp tục sống chung cùng anh C nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Minh C.

Về con chung: chị và anh Ngô Minh C có 02 (hai) con chung là cháu Ngô Nhã U, sinh ngày 28/10/2017 và cháu Ngô Đức D, sinh ngày 26/10/2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Ngô Đức D, anh C nuôi con chung Ngô Nhã U đến khi các con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Minh C có lời khai xác nhận về việc kết hôn và con chung như chị T trình bày. Anh C thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải hàn gắn nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh C không đồng ý ly hôn với chị T vì anh vẫn còn tình cảm với vợ và cần có thời gian để suy nghĩ.

Nếu phải ly hôn, anh đồng ý quan điểm về con chung và cấp dưỡng như chị T trình bày. Về tài sản chung và nợ chung: anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2024 tại tổ H, khu C, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Tổ trưởng tổ dân nơi thường trú của anh C, chị Thủy cung c thông tin: vợ chồng anh C, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ H, khu C, phường G, thành phố H. Anh chị có khoảng thời gian 03 năm chung sống với mẹ chồng là bà Nguyễn Thị D1. Có lần chị T có gọi điện báo Tổ trưởng về việc vợ chồng chị đang làm thủ tục ly hôn, nhưng quá trình chung sống anh C, chị T có mâu thuẫn gì và cụ thể như thế nào thì tổ dân không nắm được.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Thu T trình bày: từ đầu năm 2023 đến nay đã nhiều lần vợ chồng chị cãi vã, anh C xúc phạm và đe dọa chị, chị đã phải về quê sinh sống cùng bố mẹ đẻ nhưng mỗi lần như vậy anh C lại xin lỗi và hứa sẽ thay đổi, gia đình 02 bên đã tiến hành hòa giải, vì nghĩ cho các con nên chị cho anh C cơ hội. Lần gần đây nhất là sau khi nộp đơn chị tiếp tục cho anh C cơ hội thay đổi. Nhưng mỗi lần quay về mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay, chị thấy nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với anh C thì chị càng mệt mỏi và dễ rơi vào tình trạng trầm cảm, chị xác định không còn tình cảm gì với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Minh C và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn như đã trình bày.

Anh C có mặt tại phiên tòa không đồng ý ly hôn với chị T vì theo anh mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống. Bản thân chị T cũng là người có lỗi, anh chấp nhận tha thứ cho chị T và thay đổi bản thân, vì anh mong muốn giữ cho các con một gia đình có cả bố và mẹ. Nhưng nếu chị T cứ cương

quyết ly hôn thì anh cũng không có cách gì khắc phục. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý về con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu T: cho chị T được ly hôn anh Ngô Minh C; về con chung: giao con chung Ngô Đức D, sinh ngày 26/10/2019 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung Ngô Nhã U, sinh ngày 28/10/2017 cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Ngô Minh C và đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn; chị T và anh C đều có nơi cư trú tại thành phố H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thu T1 và anh Ngô Minh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị T1 và anh C đều thừa nhận: từ tháng 02 năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự yêu thương, tin tưởng, cảm thông lẫn nhau, hai bên gia đình đã hòa giải hàn gắn nhưng chỉ được một thời gian ngắn là vợ chồng lại mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn, đến nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm đến đời sống của nhau nữa. Do đó, đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C mong muốn đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, nếu chị T1 cương quyết ly hôn thì anh C không có ý kiến gì. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T1 cho chị T1 được ly hôn với anh C là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: chị Phạm Thị Thu T yêu cầu Tòa án giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Đức D sinh ngày 26/10/2019, anh C nuôi con chung Ngô Nhã U sinh ngày 28/10/2017 đến khi con đủ 18 tuổi, chị và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con, anh C cũng đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận của chị T, anh C phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ nộp án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu T1 về việc ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Ngô Minh C.

2. Về con chung: giao con chung Ngô Đức D, sinh ngày 26/10/2019 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Ngô Nhã U, sinh ngày 28/10/2017 cho anh Ngô Minh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T và anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: chị Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số: 0000183 ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND P. Giếng Đáy, TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Thị Thủy